TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-ST
Ngày: 12/8/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự thuê tài sản và tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt;

2. Bà Trần Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Dương Chí Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 292/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng dân sự thuê tài sản, tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 255/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xây dựng C (sau đây được viết tắt là Công ty C); địa chỉ: số 61 - 63, đương Lê D, phường Mỹ P, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Ngọc Y, sinh năm 1990; địa chỉ: khóm Bình K 7, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty C (theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2021); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1977; địa chỉ: số 18/10A, khóm Mỹ T, phường Mỹ Q, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, vào ngày 12/12/2018, giữa Công ty Cổ phần xây dựng C (sau đây được viết tắt là Công ty) với ông Nguyễn Phước T có thoả thuận và ký hợp đồng cho thuê thiết bị phục vụ thi công số 151/2018/HĐCTTB-CITAD (sau đây được viết tắt là Hợp đồng). Theo đó, Công ty cho ông T thuê những thiết bị phục vụ thi công theo Phụ lục 1 của Hợp đồng, chi tiết như sau: chống tăng (sơn dầu): 100 cây x 20.000đồng/cây/tháng = 2.000.000 đồng; chống tăng (kẽm): 500 cây x 20.000đồng/cây/tháng = 10.000.000 đồng; giáo nêm (loại 3,0m): 65 cây x 14.083đồng/cây/tháng = 915.395 đồng; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 108 cây x 14.083đồng/cây/tháng = 1.520.964 đồng; giáo nêm (loại 2,5m): 30 cây x 14.083đồng/cây/tháng = 422.490 đồng; giáo nêm (loại Ringclock): 108 cây x 14.083đồng/cây/tháng = 1.520.964 đồng; giáo nêm (loại 1,5m): 60 cây x 7.042đồng/cây/tháng = 422.520 đồng; giáo nêm (loại 0,5m): 30 cây x 3.333đồng/cây/tháng = 99.990 đồng; giằng (loại 1,5m): 370 cây x 5.750đồng/cây/tháng = 2.127.500 đồng; giằng (loại 1,0m): 370 cây x 3.833đồng/cây/tháng = 1.418.210 đồng; kích bằng: 2.000 cái x 5.000đồng/cái/tháng = 10.000.000 đồng; kích U (loại rỗng): 2.700 cái x 5.000đồng/cái/tháng = 13.500.000 đồng; kích U (loại đặc): 90 cái x 5.000đồng/cái/tháng = 450.000 đồng; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây x 18.466đồng/cây/tháng = 2.215.920 đồng; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 400 cây x 10.417đồng/cây/tháng = 4.166.800 đồng; dàn giáo (loại 1,7m): 128 chân x 24.206đồng/chân/tháng = 3.098.368 đồng; dàn giáo (loại 1,5m): 182 chân x 16.667đồng/chân/tháng = 3.033.394 đồng; dàn giáo (loại 1,2m): 288 chân x 21.825đồng/chân/tháng = 6.285.600 đồng; chéo (loại 2,0m): 216 cây x 3.333đồng/cây/tháng = 719.928 đồng; chéo (loại 1,75m): 269 cây x 3.333đồng/cây/tháng = 896.577 đồng;

Theo thoả thuận thì ông T thuê thiết bị của Công ty với hình thức thuê tháng, với tổng số tiền 64.814.620 đồng nhưng hai bên thống nhất làm tròn số tiền là 64.815.000 đồng, thời hạn thuê tối thiểu 06 tháng, thời điểm thanh toán là ngày 28 dương lịch hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T có thanh toán cho Công ty 02 đợt với tổng số tiền 40.000.000 đồng (đợt 1: ngày 31/12/2018 là 20.000.000đ, đợt 2: ngày 22/5/2019 là 20.000.000đ) thì ngưng không thanh toán.

Ngày 09/10/2019, ông T có đến Công ty để đối chiếu công nợ; đối chiếu thiếu bị đang thuê, theo biên bản xác nhận công nợ ngày 09/10/2019, hai bên cùng thống nhất tính đến ngày 30/9/2019, ông T còn nợ Công ty tổng số tiền 534.401.000 đồng; hiện đang thuê thiết bị Công ty gồm: chống tăng (sơn dầu): 99 cây; chống tăng (kẽm): 493 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.740 cái; kích U (loại rỗng): 2.750 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 400 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 114 chân; dàn

giáo (loại 1,5m): 67 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 108 chân; chéo (loại 2,0m): 158 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây.

Bên cạnh đó, ông T cam kết sẽ thanh toán dứt nợ cho Công ty trước ngày 20/10/2019. Đồng thời, phía Công ty yêu cầu ông T hoàn trả lại toàn bộ thiết bị đang thuê nêu trên cho Công ty do ông T vi phạm nghĩa vụ tại Điều 5 của hợp đồng.

Tuy nhiên, từ ngày xác nhận công nợ đến nay thì ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và hoàn trả toàn bộ thiết bị thuê như đã cam kết mà chỉ trả một số ít thiết bị thuê, tính đến ngày 30/4/2020, ông T trả được thiết bị thuê gồm: chống tăng (sơn dầu): 99 cây; chống tăng (kẽm): 353 cây; kích bằng: 30 cái; kích U (loại rỗng): 598 cái; dàn giáo (loại 1,7m): 65 chân; dàn giáo (loại 1,5m): 67 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 107 chân.

Tính đến ngày 31/8/2020, ông T còn nợ Công ty số tiền thuê thiết bị 882.377.000 đồng và một số tài sản gồm: chống tăng (kẽm): 140 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.710 cái; kích U (loại rỗng): 2.152 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 400 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 158 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây.

Mặc dù, Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán dứt điểm số tiền và thiết bị thuê còn nợ nhưng ông T không thực hiện cố tính kéo dài thời gian.

Vì vậy, Công ty yêu cầu ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty số tiền thuê thiết bị còn nợ tính đến ngày 31/8/2021 là 1.048.378.000 đồng (trong đó: tiền thuê: 882.377.000 đồng, tiền lãi chậm trả 166.001.000 đồng) và hoàn trả thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 140 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.710 cái; kích U (loại rỗng): 2.152 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 400 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 158 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây. Trường hợp, ông T không hoàn trả được thiết bị thuê như trên thì yêu cầu bồi thường giá trị của những tài sản trên thành tiền 248.156.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng cho thuê thiết bị phục vụ thi công số 151/2018/HĐCTTB-CITAD ngày 12/12/2018 (bản sao); biên bản xác nhận công nợ ngày 09/10/2020 (bản sao) và các giấy tờ khác có liên quan.

- *Bị đơn ông Nguyễn Phước T* vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả 152.589.000 đồng; rút lại một phần yêu cầu khởi kiện hoàn trả thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 40 cây; kích bằng: 267 cái; kích U (loại rỗng): 574 cái, đà (loại 50 x 50; 3,0m): 50 cây, chéo (loại 2,0m): 53 cây so với yêu cầu trong đơn khởi kiện ban đầu. Bên cạnh đó, người đại diện hợp pháp của Công ty cho rằng, sau khi ông T nhận thiết bị thuê cho đến nay thì không biết toàn bộ thiết bị thuê ở đâu; phục vụ cho công trình nào cho nên không thể nhận lại toàn bộ thiết bị đang cho thuê cho nên Công ty yêu cầu ông T hoàn trả giá trị của thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): chống tăng (kẽm): 100 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.443 cái; kích U (loại rỗng): 1.578 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 350 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 105 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây, thành tiền 233.331.000 đồng; yêu cầu hoàn trả cho Công ty số tiền thuê thiết bị còn nợ tính đến ngày 31/8/2021 là 895.789.000 đồng (trong đó: tiền thuê: 882.377.000 đồng, tiền lãi chậm trả 13.412.000 đồng).

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phước T trả số tiền thuê thiết bị còn nợ đến ngày 31/08/2020 là 882.377.000 đồng và tiền lãi chậm trả 166.001.000 đồng, tổng cộng 1.048.378.000 đồng và hoàn trả lại thiết bị thuê cho công ty với giá trị tương đương là 248.156.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chậm trả 152.589.000 đồng và một phần yêu cầu trả tiền thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 40 cây; kích bằng: 267 cái; kích U (loại rỗng): 574 cái, đà (loại 50 x 50; 3,0m): 50 cây, chéo (loại 2,0m): 53 cây. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, đình chỉ theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với tiền thuê thiết bị: Căn cứ Hợp đồng cho thuê thiết bị phục vụ thi công số 151/2018/HĐCTTB-CITAD ngày 12/12/2018, có kèm theo phụ lục 1, có thể hiện tên thiết bị, số lượng và giá trị từng loại thiết bị; Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/10/2019. Nhận thấy, việc giao dịch giữa các bên được xác lập bằng hợp đồng trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và

làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Do bên thuê ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thuê theo thỏa thuận của hợp đồng và cho đến khi nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án thì phía bị đơn vẫn vắng mặt không có ý kiến, cung như không cấp chứng cứ gì cho Tòa án, cho thấy bị đơn cố tình trốn tránh việc trả tiền thuê, cũng như trả lại thiết bị thuê theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Công ty Cổ phần xây dựng C khởi kiện, yêu cầu ông T trả tiền thuê còn nợ đến ngày 31/08/2020 là 882.377.000 đồng và toàn bộ tài sản cho thuê tương đương số tiền 233.331.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 166, 472, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu về lãi chậm thanh toán: Căn cứ Điều 8 của Hợp đồng có quy định bên thuê không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất ngân hàng quá hạn và đồng thời tại biên bản xác nhận công nợ ngày 09/10/2019 có thể hiện số tiền lãi chậm thanh toán là 1,5%/tháng. Xét thấy, các bên có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, mức lãi suất thỏa thuận cũng không vượt quá quy định pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ theo Điều 468 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị: Căn cứ các Điều 166, 468, 472, 481, 482 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng C do rút yêu cầu đối với tiền lãi chậm trả 152.589.000 đồng và yêu cầu trả thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 40 cây; kích bằng: 267 cái; kích U (loại rỗng): 574 cái, đà (loại 50 x 50; 3,0m): 50 cây, chéo (loại 2,0m): 53 cây.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty Cổ phần xây dựng C. Buộc ông Nguyễn Phước T có nghĩa vụ trả số tiền thuê thiết bị còn nợ là 882.377.000 đồng, tiền lãi chậm trả 13.412.000 đồng và giá trị thiết bị thuê là 233.331.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phước T trả tiền thuê thiết bị và trả thiết bị thuê. Ông T đang cư trú trên địa bàn thành phố Long Xuyên nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông

T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện*:

- Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi chậm trả 152.589.000 đồng; rút lại một phần yêu cầu khởi kiện hoàn trả thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 40 cây; kích bằng: 267 cái; kích U (loại rỗng): 574 cái, đà (loại 50 x 50; 3,0m): 50 cây, chéo (loại 2,0m): 53 cây. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Về yêu cầu trả tiền thuê thiết bị: Căn cứ Hợp đồng cho thuê thiết bị phục vụ thi công số 151/2018/HĐCTTB-CITAD ngày 12/12/2018 được xác lập giữa Công ty với ông Nguyễn Phước T trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội; phù hợp với quy định tại Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ cho nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 476, 481 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê thiết bị đúng hạn cho Công ty là vi phạm nghĩa vụ của người thuê theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền thuê thiết bị còn nợ với số tiền 882.377.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét, chấp nhận yêu cầu của Công ty.

Về yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 13.412.000 đồng: Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận; các bên có thoả thuận về lãi suất chậm trả 1.5%/tháng. Cho nên, ông T phải chịu chế tài vi phạm về phạt lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét, chấp nhận yêu cầu của Công ty.

Về yêu cầu hoàn trả giá trị thiết bị thuê gồm, chống tăng (kẽm): 100 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.443 cái; kích U (loại rỗng): 1.578 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 350 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 105 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây. Thấy rằng, theo thoả thuận của hợp đồng "Trường hợp bên thuê không trả tiền thuê trong 02 tháng liên tiếp thì bên cho thuê có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng và yêu cầu bên thuê phải hoàn trả thiết bị và bồi thường thiệt hại; trường hợp bên thuê làm mất mát thiết bị phải

chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị của thiết bị thuê; bồi thường nguyên giá thiết bị nếu thiết bị bị mất và hư". Bên cạnh đó, theo Phụ lục 1 của Hợp đồng thì các bên cũng thống nhất giá thiết bị của từng thiết bị thuê. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng và không thể hoàn trả thiết bị thuê cho phía Công ty. Cho nên, Công ty yêu cầu ông T hoàn trả giá trị thiết bị thuê là phù hợp theo quy định tại Điều 6, 8 của Hợp đồng. Vì vậy, xét chấp nhận yêu cầu của Công ty.

Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Nguyễn Phước T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần xây dựng C số tiền thuê thiết bị còn nợ là 895.789.000 đồng (trong đó: tiền thuê: 882.377.000 đồng, tiền lãi chậm trả 13.412.000 đồng) và hoàn trả giá trị của thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 100 cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.443 cái; kích U (loại rỗng): 1.578 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 350 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 105 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây, thành tiền 233.331.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 144, 147, 157, 161, 165, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 357, 472, 476, 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng C đối với việc rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp về tiền lãi chậm trả 152.589.000 đồng; rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp hoàn trả thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): 40 cây; kích bằng: 267 cái; kích U (loại rỗng): 574 cái, đà (loại 50 x 50; 3,0m): 50 cây, chéo (loại 2,0m): 53 cây đối với ông Nguyễn Phước T.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng C.

- Buộc ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần xây dựng C số tiền thuê thiết bị còn nợ là 895.789.000 đồng (trong đó: tiền thuê: 882.377.000 đồng, tiền lãi chậm trả 13.412.000 đồng).

- Buộc ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần xây dựng C giá trị của thiết bị thuê gồm: chống tăng (kẽm): chống tăng (kẽm): 100

cây; giáo nêm (loại 3,0m): 17 cây; giáo nêm (loại 2,7m, 3 túi): 08 cây; giáo nêm (loại 2,5m sơn dầu): 01 cây; giáo nêm (loại Ringclock): 01 cây; giáo nêm (loại 0,5m): 14 cây; giằng (loại 1,0m): 06 cây; kích bằng: 1.443 cái; kích U (loại rỗng): 1.578 cái; đà (loại 500 x 100; 3,0m): 120 cây; đà (loại 50 x 50; 3,0m): 350 cây; dàn giáo (loại 1,7m): 49 chân; dàn giáo (loại 1,2m): 01 chân; chéo (loại 2,0m): 105 cây; chéo (loại 1,75m): 229 cây, thành tiền 233.331.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm *45.873.600 (bốn mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm) đồng*.

- Công ty Cổ phần xây dựng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần xây dựng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp *21.725.000 (hai mươi mốt triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0005728 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phước T vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lại Hiệp Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Việt **Trần Thanh Vân** **Lại Hiệp Phong**